

Hợp đồng mua bán xe ô tô đã qua sử dụng

Mua bán giữa cá nhân với cá nhân
Theo pháp luật Việt Nam

1. Bên bán

Họ và tên (bên bán)

Số nhà, tên đường (bên bán)

Mã bưu chính (bên bán)

Tỉnh / thành phố (bên bán)

Điện thoại hoặc e-mail (bên bán)

2. Bên mua

Họ và tên (bên mua)

Số nhà, tên đường (bên mua)

Mã bưu chính (bên mua)

Tỉnh / thành phố (bên mua)

Điện thoại hoặc e-mail (bên mua)

3. Xe ô tô

Hãng xe

Dòng xe / phiên bản

Số khung (VIN)

Biển số xe

Đăng ký lần đầu (ngày)

Số km đã đi (đồng hồ công-tơ-mét)

Đăng kiểm còn hạn đến

Số đời chủ trước

Số chìa khóa

Theo hiểu biết của bên bán, xe chưa từng bị tai nạn.

Có sổ bảo dưỡng và sổ sẽ được giao cho bên mua.

4. Giá mua bán và thanh toán

Giá mua bán (số tiền)

Giá mua bán (bằng chữ)

Thanh toán bằng tiền mặt khi bàn giao xe.

Thanh toán bằng chuyển khoản; chỉ bàn giao xe sau khi nhận được tiền.

5. Trách nhiệm đối với khuyết tật

Xe được bán theo hiện trạng đã xem và chạy thử, loại trừ trách nhiệm đối với khuyết tật của tài sản trong phạm vi pháp luật cho phép. Việc loại trừ này không áp dụng cho khuyết tật bị cố ý che giấu, hành vi cố ý hoặc vô ý nghiêm trọng, cũng như thiệt hại về tính mạng, thân thể hoặc sức khỏe.

6. Bàn giao xe

Ngày bàn giao

Địa điểm bàn giao

Giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy tờ xe sẽ được giao cho bên mua.

Giấy chứng nhận kiểm định (đăng kiểm) gần nhất sẽ được giao cho bên mua.

Bên mua sẽ làm thủ tục sang tên xe ngay sau khi nhận bàn giao (theo quy định trong vòng 30 ngày).

7. Thỏa thuận khác

Thỏa thuận khác (ví dụ: khuyết tật đã biết, trang bị kèm theo)

Địa điểm

Ngày

Địa điểm

Ngày

Chữ ký bên bán

Chữ ký bên mua